

KCN MT - CQ 4/24



VIMCERTS 180

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Địa chỉ: Quốc lộ 50 - ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
Điện thoại: 0273 3 872 175



Số: 04836/KQP1/2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 3361224

Tên khách hàng : **CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG**

Địa chỉ : Số 84 Ngô Gia Tự, Ấp Bình Tạo - Xã Trung An - Thành phố Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang

Tên mẫu : Nước thải sau xử lý

Ngày nhận mẫu : 11/12/2024

Ngày lấy mẫu : 11/12/2024

Người lấy mẫu : Ngô Minh Khánh

Ngày xuất kết quả : 20/12/2024

Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Khu công nghiệp Mỹ Tho

Địa chỉ: Xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Đầu ra hệ thống xử lý nước thải

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH °	-	7,25	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ °	°C	26,6	SMEWW 2550B:2023
3	BOD ₅ °	mg/L	20,0	SMEWW 5210B:2023
4	COD °	mg/L	31,9	SMEWW 5220C:2023
5	TSS °	mg/L	37,3	TCVN 6625:2000
6	Tổng Nitơ °	mg/L	19,6	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P) °	mg/L	3,79	TCVN 6202:2008
8	Clo dư °	mg/L	KPH (MDL= 0,30)	TCVN 6225-3:2011
9	Dầu mỡ khoáng °	mg/L	KPH (MDL= 1,2)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Crom (III) °	mg/L	KPH (MDL= 0,007)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023
11	Amoni (tính theo N) °	mg/L	KPH (MDL= 0,40)	TCVN 5988:1995
12	Xyanua ^β	mg/L	KPH (LOD= 0,001)	SMEWW 4500-CN-C&E:2023
13	Asen °	mg/L	0,012	SMEWW 3113B:2023
14	Chì °	mg/L	KPH (MDL= 0,0015)	SMEWW 3113B:2023
15	Đồng °	mg/L	KPH (MDL= 0,015)	SMEWW 3111B:2023
16	Kẽm °	mg/L	KPH (MDL= 0,015)	SMEWW 3111B:2023
17	Sắt °	mg/L	< 0,2 (*)	SMEWW 3500-Fe.B:2023
18	Cadimi °	mg/L	KPH (MDL= 0,0002)	SMEWW 3113B:2023
19	Thủy ngân °	mg/L	KPH (MDL= 0,0002)	TCVN 7877:2008
20	Màu °	Pt-Co	26,1	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
21	Crom (VI) °	mg/L	KPH (MDL= 0,007)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
22	Mangan °	mg/L	KPH (MDL= 0,015)	SMEWW 3111B:2023
23	Phenol ^β	mg/L	KPH (LOD= 0,03)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D
24	Sulfua (tính theo H ₂ S) °	mg/L	KPH (MDL= 0,020)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
25	TDS °	mg/L	470	HD.KT.02.12
26	Chất hoạt động bề mặt °	mg/L	KPH (MDL= 0,15)	TCVN 6622-1:2009
27	Dầu mỡ động thực vật °	mg/L	KPH (MDL= 1,2)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Nitrat (tính theo N) °	mg/L	17,4	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E:2023

29	Photphat (tính theo P) ^e	mg/L	3,54	TCVN 6202:2008
30	Coliforms ^e	MPN/100mL	9,2 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

Tiền Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2024

Phụ trách phòng thí nghiệm



Trịnh Thị Thắng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Trung Hiếu

- (*): Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- MDL/LOD: Giới hạn phát hiện
- KPH: Không phát hiện
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang.
- (°): Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (°): Chỉ tiêu được công nhận Vimcerts.
- (°): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện
- (°): Chỉ tiêu chưa được chỉ định